

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

NỘI DUNG

2

- Phần 1. Khái niệm và đặc trưng của nhà nước
- Phần 2. Nguồn gốc của nhà nước
- Phần 3. Bản chất của nhà nước
- Phần 4. Chức năng của nhà nước
- Phần 5. Hình thức nhà nước

PHẦN 1

KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC

1.1. Khái niệm Nhà nước

4

Theo định nghĩa của Nguyễn Minh Đuan:

“Nhà nước là tổ chức quyền lực công cộng đặc biệt, có đủ bộ máy chuyên để cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý xã hội, phục vụ lợi ích và thực hiện mục đích vừa của giai cấp thống trị, vừa của toàn xã hội.”

1.2. Đặc trưng của Nhà nước

5

- Nhà nước phân chia dân cư thành các đơn vị hành chính theo lãnh thổ.
- Nhà nước thiết lập quyền lực công.
- Nhà nước có chủ quyền quốc gia.
- Nhà nước ban hành pháp luật và buộc mọi thành viên trong xã hội phải thực hiện.
- Nhà nước quy định và tiến hành thu các loại thuế.

Nhà nước phân chia dân cư thành các đơn vị hành chính theo lãnh thổ

6

- Nhà nước xuất hiện đã lấy sự phân chia lãnh thổ làm điểm xuất phát.
- Cách tổ chức công dân theo lãnh thổ là đặc điểm chung của tất cả các nhà nước (thị tộc hình thành và tồn tại trên cơ sở huyết thống).

Nhà nước thiết lập quyền lực công

7

- Quyền lực này không còn hòa nhập với dân cư (Quyền lực công cộng trong chế độ công xã nguyên thủy là quyền lực xã hội, do dân cư tự tổ chức ra, không mang tính chính trị, giai cấp).
- Quyền lực công cộng đặc biệt sau khi có nhà nước thuộc về giai cấp thống trị, phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị.

Nhà nước có chủ quyền quốc gia

8

- Đây là quyền tối cao của nhà nước về đối nội và độc lập về đối ngoại, thể hiện tính độc lập của nhà nước trong việc giải quyết các công việc của mình.

Nhà nước ban hành pháp luật và buộc mọi thành viên trong xã hội phải thực hiện

9

- Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và đảm bảo sự thực hiện pháp luật. Pháp luật của nhà nước có tính bắt buộc chung, là cơ sở phân biệt sự khác nhau giữa nhà nước và tổ chức thị tộc nguyên thủy.

Nhà nước quy định và tiến hành thu các loại thuế

10

- Nhà nước có quyền định ra và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc. Thuế được sử dụng để nuôi sống bộ máy nhà nước và thực hiện các hoạt động chung của toàn xã hội.

PHẦN 2

NGUỒN GỐC CỦA NHÀ NƯỚC

Nguồn gốc Nhà nước

12



Học thuyết Mác
Lênin về nguồn
gốc Nhà nước

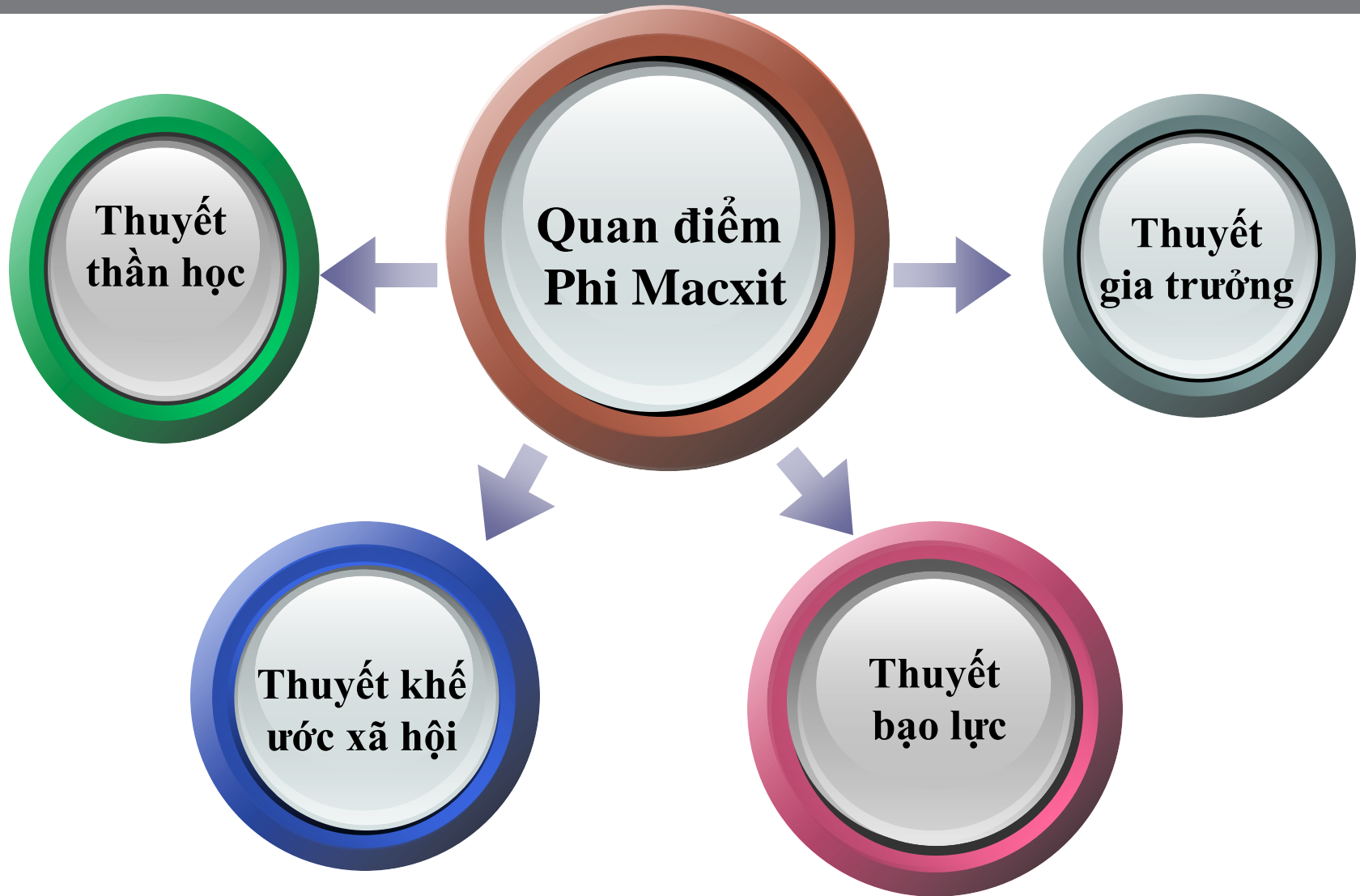


Học thuyết, quan
điểm Phi Mácxit
về nguồn gốc
Nhà nước



Học thuyết, quan điểm phi Mácxít về nguồn gốc nhà nước

13



Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc nhà nước

14

“Nhà nước không phải là hiện tượng vĩnh cửu bất biến. Nhà nước là một phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong. Nhà nước là lực lượng nảy sinh từ xã hội, là sản phẩm của xã hội loài người. Nhà nước chỉ xuất hiện khi xã hội phát triển đến một mức độ nhất định và tiêu vong khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại của nó mất đi.”

Quá trình hình thành Nhà nước

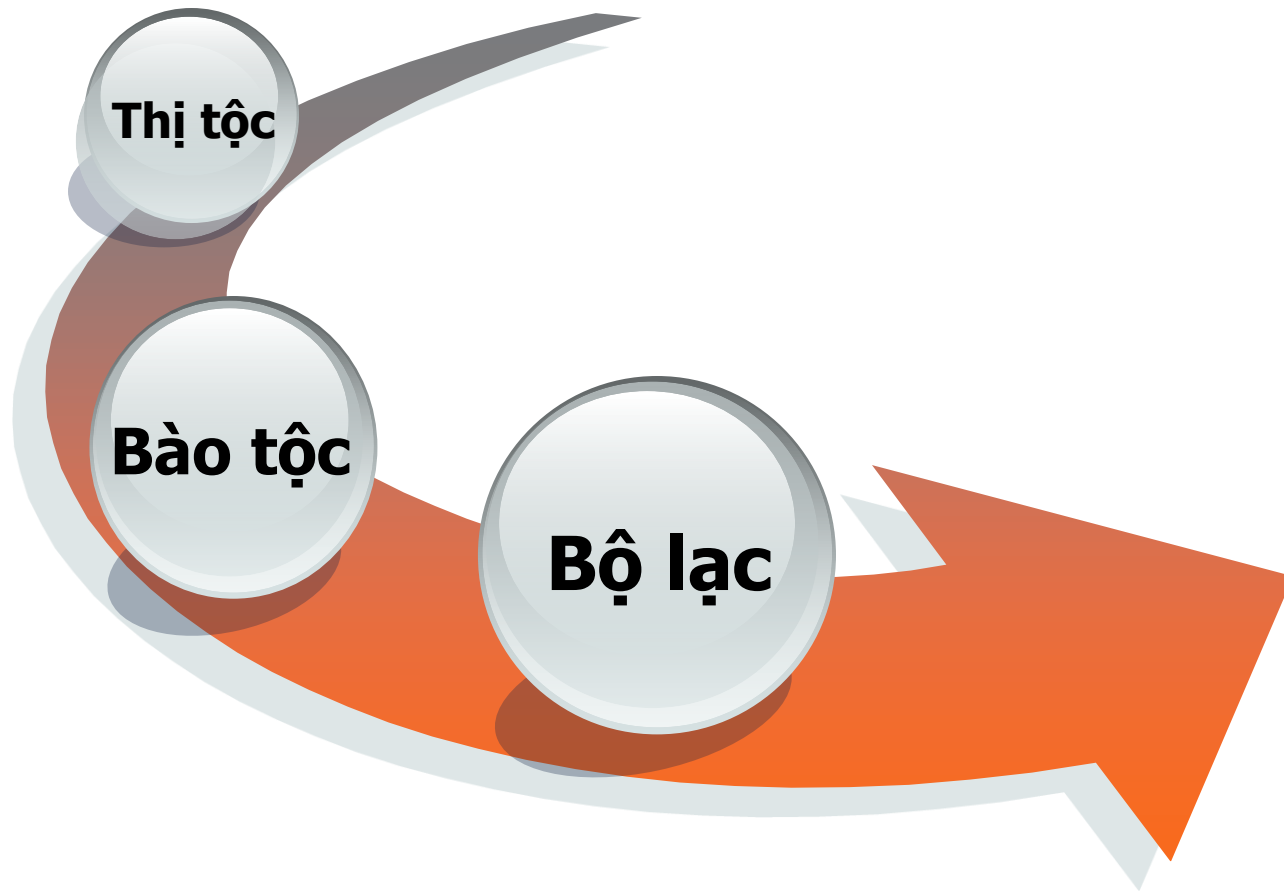
15

Công xã nguyên thủy và tổ chức thị tộc – bộ lạc

- **Cơ sở kinh tế:** sở hữu chung về TLSX và SPLĐ
- **Cơ sở xã hội:** tổ chức thị tộc
 - + Thị tộc được tổ chức theo nguyên tắc huyết thống
 - + Bình đẳng về địa vị xã hội, không phân hóa giàu nghèo, phân công lao động tự nhiên.
 - + Là tổ chức mang tính tự quản đầu tiên; quyền lực trong XH ko mang tính giai cấp nhưng có sức mạnh cưỡng chế mạnh mẽ (Hội đồng thị tộc, tù trưởng).

Tổ chức xã hội công xã nguyên thủy

16



Tổ chức xã hội công xã nguyên thủy

17



Thị tộc

Bào tộc

Bộ lạc

- Trong xã hội cộng sản nguyên thủy chưa xuất hiện nhà nước và pháp luật, tuy nhiên đã tồn tại quyền lực và hệ thống quản lý các thị tộc, nhưng đó là thứ quyền lực xã hội được tổ chức thực hiện dựa trên cơ sở nguyên tắc dân chủ thực sự. Quyền lực xuất phát từ xã hội và phục vụ cho lợi ích của cả cộng đồng.

Sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy và sự ra đời Nhà nước

18

Cuối thời kỳ công xã nguyên thủy đã diễn ra *3 lần phân công lao động*:



(1) Chăn nuôi tách ra khỏi trồng trọt

(2) Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

(3) Thương nghiệp ra đời tách khỏi quá trình sx.

Sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy và sự ra đời Nhà nước

19

- Sự phát triển không ngừng của LLSX đã tạo tiền đề làm thay đổi PTSX cộng sản nguyên thủy và dẫn tới sự phân công lao động xã hội. Sau 03 lần phân công lao động xã hội, đã phân chia xã hội thành các giai cấp đối lập nhau, luôn mâu thuẫn và đấu tranh gay gắt với nhau, xã hội này đòi hỏi phải có một tổ chức đủ sức dập tắt các xung đột công khai giữa các giai cấp và giữ cho các xung đột ấy trong vòng “trật tự”. Tổ chức ấy gọi là nhà nước. => Nhà nước đã xuất hiện một cách khách quan, là sản phẩm của một xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định.

ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

Xuất hiện chế độ tư hữu về tài sản

**Nhà nước
ra đời**

ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI

Phân hóa XH thành giai cấp đối kháng

PHẦN 3

BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC

3.1. Tính giai cấp của Nhà nước

- Có tính khách quan, xuất hiện trên cơ sở quy luật.
- Do giai cấp thống trị tổ chức nên và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.
- Quyền lực Nhà nước: quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị và quyền lực tư tưởng.

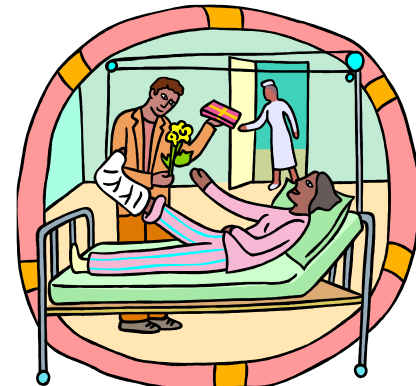


3.1. Tính giai cấp của Nhà nước

Nhà nước chỉ sinh ra và tồn tại trong xã hội có giai cấp, và bao giờ cũng thể hiện bản chất giai cấp sâu sắc, thể hiện ở chỗ nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt, là công cụ sắc bén nhất để thực hiện sự thống trị giai cấp, thiết lập và duy trì trật tự xã hội.

3.2. Vai trò xã hội của Nhà nước

- Giải quyết những vấn đề nảy sinh từ đời sống xã hội như: đói nghèo, bệnh tật, chiến tranh, các vấn đề về môi trường, chống thiên tai; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo...
- Bảo đảm trật tự chung, bảo đảm các giá trị chung của xã hội để tồn tại và phát triển.



Lưu ý về **Социальное назначение государства**



3.3. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Khoản 1, Điều 2 Hiến pháp năm 2013: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”*.

- *Cơ sở kinh tế*: Chế độ công hữu về TLSX, SPLĐ xã hội.
- *Cơ sở xã hội*: Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với thiểu số người bóc lột, chống đối.

Lưu ý về bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

27

- Nhà nước ta là nhà nước của tất cả các dân tộc trong toàn quốc gia Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đoàn kết dân tộc.
- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thể hiện qua việc thiết lập nhà nước bằng bầu cử các cơ quan quyền lực nhà nước của nhân dân; thực hiện quyền lực nhà nước bằng cách giám sát, kiểm tra, khiếu kiện các quyết định của cơ quan nhà nước làm thiệt hại cho quyền lợi hợp pháp của người dân.

Lưu ý về bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

28

- Nhà nước thể hiện bản chất dân chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và ý thức xã hội.
- Bản chất nhà nước thể hiện trong chính sách đối ngoại theo phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở hòa bình, hữu nghị, cùng có lợi và tôn trọng chủ quyền của nhau.

PHẦN 4

CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

4.1 Định nghĩa

30

Chức năng nhà nước là những mặt hoạt động cơ bản của Nhà nước, phù hợp với bản chất, mục đích, nhiệm vụ của nhà nước và được xác định bởi điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong những giai đoạn phát triển của nó.

Một số lưu ý

31

- ❖ Mỗi quan hệ giữa chức năng nhà nước và nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.
- ❖ Mỗi quan hệ giữa chức năng nhà nước và hoạt động của cơ quan nhà nước.
- ❖ Chức năng nhà nước do bản chất, cơ sở kinh tế xã hội và cơ cấu của xã hội quyết định.
- ❖ Hai phương pháp chính để nhà nước thực hiện chức năng của mình: thuyết phục và cưỡng chế.

Nội dung của chức năng thay đổi dưới tác động
của nhiều yếu tố khác nhau ?

Phân loại

33

- ❖ Căn cứ vào cách thức thực hiện quyền lực nhà nước: chức năng lập pháp, chức năng hành pháp, chức năng tư pháp
- ❖ Căn cứ vào vị trí, vai trò của từng hoạt động của nhà nước: chức năng cơ bản, chức năng không cơ bản.
- ❖ Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động của nhà nước: chức năng kinh tế, chức năng chính trị, chức năng bảo vệ trật tự pháp luật, chức năng bảo vệ đất nước, chức năng xã hội.
- ❖ Căn cứ vào phạm vi hoạt động của nhà nước: chức năng đối nội, chức năng đối ngoại.

Căn cứ vào phạm vi hoạt động của nhà nước

34

- *Chức năng đối nội:* Là những mặt hoạt động chủ yếu của Nhà nước trong nội bộ đất nước (VD: An ninh quốc gia, vấn đề giáo dục, khoa học...)
- *Chức năng đối ngoại:* Thể hiện vai trò của Nhà nước trong quan hệ với các nhà nước và dân tộc khác (VD: Hợp tác về kinh tế quốc tế, văn hóa, quốc phòng, phòng thủ đất nước...)

Để thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại thì Nhà nước nhiều hình thức và phương thức.

- *Về hình thức:* NN sử dụng 3 hình thức hoạt động chính là: xây dựng pháp luật; tổ chức, thực hiện pháp luật; bảo vệ pháp luật.
- *Về phương thức thực hiện:* NN sử dụng hai phương pháp chính đó là: Thuyết phục và cưỡng chế.

Chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

36

CHỨC NĂNG ĐỐI NỘI

- Chức năng kinh tế
- Chức năng chính trị
- Chức năng xã hội: văn hóa; giáo dục; y tế; khoa học – công nghệ; dân tộc – tôn giáo; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó thảm họa.
- Bảo vệ trật tự pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

CHỨC NĂNG ĐỐI NGOẠI

- Bảo vệ đất nước.
- Quan hệ đối ngoại với các nước khác.

Lưu ý

38

Chức năng đối nội và đối ngoại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, tác động lẫn nhau, trong đó chức năng đối nội giữ vai trò chủ đạo, có tính quyết định đối với chức năng đối ngoại. Việc thực hiện chức năng đối ngoại phải xuất phát từ chức năng đối nội và nhằm mục đích phục vụ chức năng đối nội.

Lưu ý

39

Ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa
đến chức năng của nhà nước ?

Ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa
đến chức năng của nhà nước ?

Chức năng đối nội ?

Ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa
đến chức năng của nhà nước ?

Chức năng đối ngoại ?

PHẦN 5

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

- Hình thức nhà nước là gì?
- Các yếu tố cấu thành nên hình thức nhà nước: hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước; chế độ chính trị?

Lưu ý: Các yếu tố quy định, tác động đến hình thức nhà nước

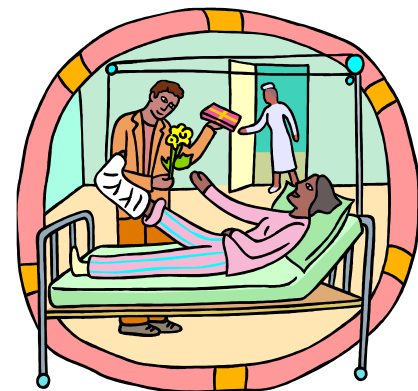
44

- Kiểu nhà nước là yếu tố quyết định, vì hình thức nhà nước phụ thuộc trực tiếp vào cơ sở kinh tế và bản chất giai cấp của nó. Ví dụ: mọi kiểu nhà nước đều có chính thể cộng hòa, nhưng cộng hòa chủ nô khác hẳn với cộng hòa phong kiến và cộng hòa tư sản.
- Trình độ phát triển kinh tế – xã hội.
- Tương quan lực lượng giai cấp.
- Đặc điểm lịch sử, truyền thống, bối cảnh quốc tế, xu thế của thời đại.

Lưu ý về **Kiểu nhà nước**



Lưu ý về **Kiểu nhà nước**



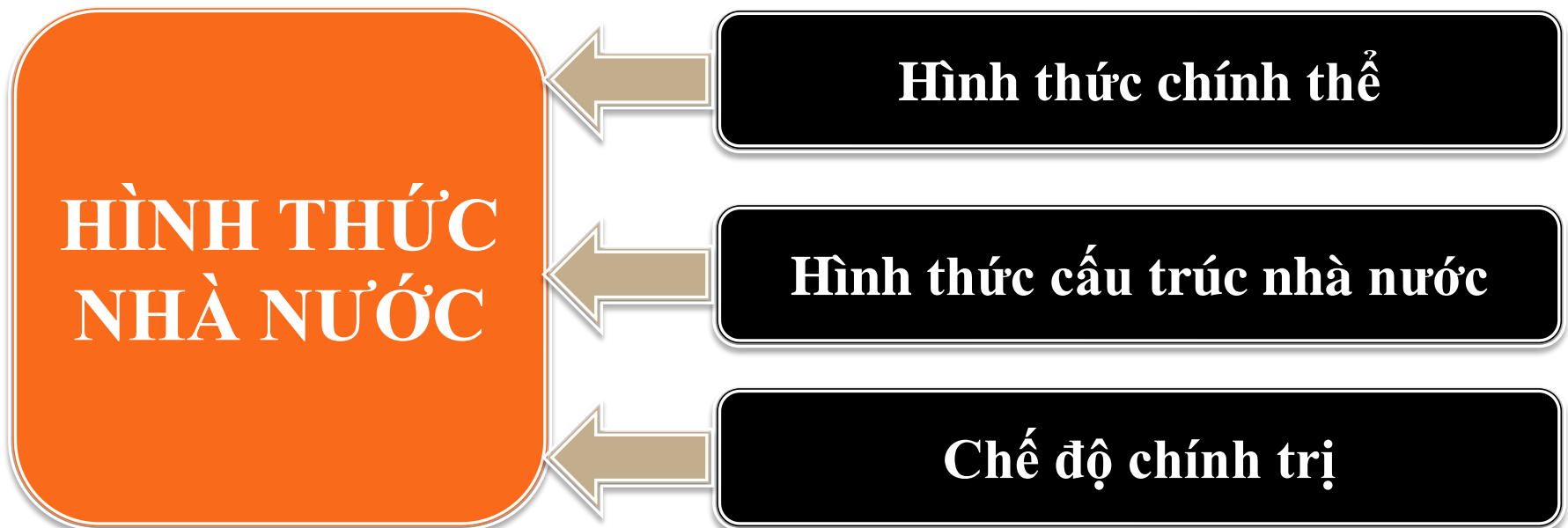
Lưu ý về **Kiểu nhà nước**



5.1. Định nghĩa

48

Hình thức Nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực NN và những phương pháp để thực hiện quyền lực NN.



5.2. Hình thức chính thể

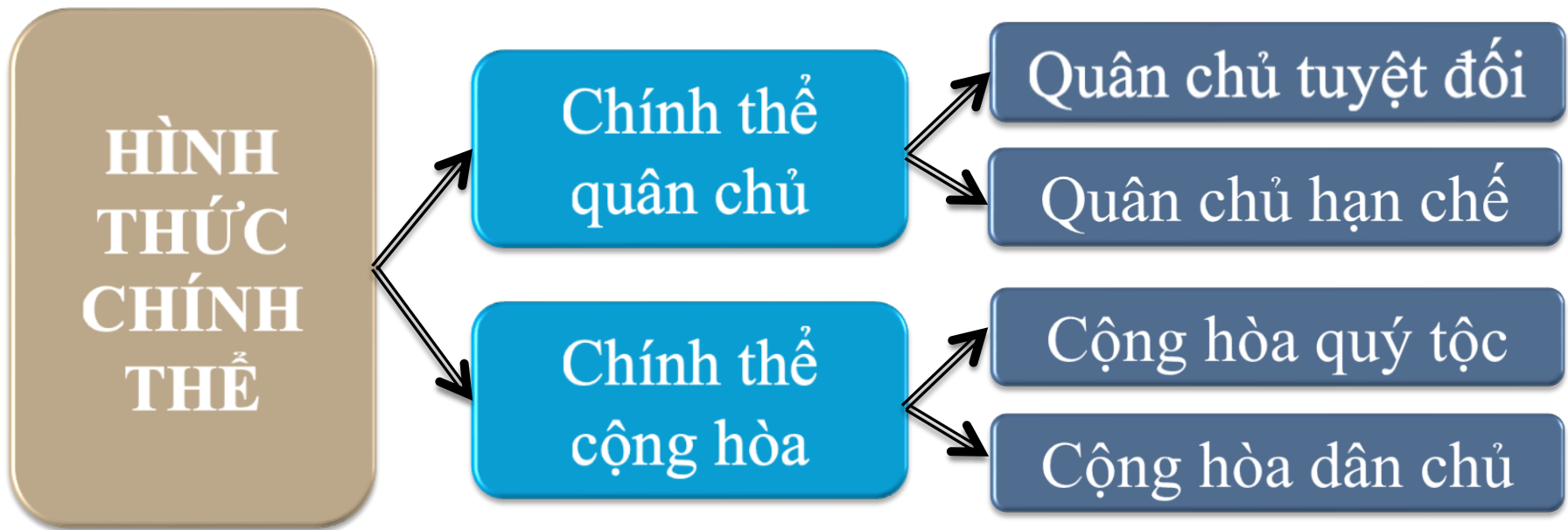
49

Hình thức chính thể là cách thức tổ chức, cơ cấu, trình tự thành lập các cơ quan cao nhất của quyền lực tối cao của nhà nước, xác lập mối quan hệ giữa chúng và mức độ tham gia của nhân dân vào việc hình thành các cơ quan này.

- Quyền lực tối cao được trao cho cá nhân hay cơ quan?
- Trình tự, thủ tục trao quyền như thế nào?
- Mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất?

5.2. Hình thức chính thể

50



Chính thể quân chủ

51

Chính thể quân chủ: là hình thức chính thể trong đó quyền lực tối cao của Nhà nước tập trung toàn bộ (hay một phần) vào trong tay người đứng đầu Nhà nước là nhà vua, hoàng đế hoặc quốc vương... lên ngôi theo nguyên tắc thừa kế.

- *Quân chủ tuyệt đối*
- *Quân chủ hạn chế*

Chính thể quân chủ

52

Chính thể quân chủ:

- *Quân chủ tuyệt đối:* Người đứng đầu NN có quyền lực tuyệt đối và vô hạn, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tối cao đều nằm trong tay người đứng đầu NN (tồn tại trong hai kiểu NN: chủ nô và phong kiến).

Chính thể quân chủ

53

Chính thể quân chủ:

- ***Quân chủ hạn chế:*** Người đứng đầu NN *chỉ nắm quyền một phần* bên cạnh đó còn có các cơ quan quyền lực khác được bầu theo nhiệm kỳ nắm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Chính thể cộng hòa

54

Chính thể cộng hòa: là hình thức chính thể trong đó quyền lực tối cao thuộc về một cơ quan được bầu trong thời hạn nhất định.

- **Cộng hòa dân chủ:** quyền tham gia bầu cử để lập ra các cơ quan đại diện cho quyền lực nhà nước được quy định về mặt hình thức pháp lý thuộc về các tầng lớp nhân dân lao động.

Cộng hòa tổng thống – Cộng hòa đại nghị - Cộng hòa lưỡng hệ

- **Cộng hòa quý tộc:** quyền bầu cử hình thành các cơ quan đại diện dành cho giai cấp quý tộc (Nhà nước Spác, Nhà nước La Mã)

Cộng hòa tổng thống

55

- ❑ Nguyên thủ quốc gia (Tổng thống) có vị trí, vai trò rất quan trọng.
- ❑ **Tổng thống** do nhân dân trực tiếp (hoặc gián tiếp thông qua đại cử tri) bầu ra. Tổng thống là người đứng đầu chính phủ. **Chính phủ** không phải do nghị viện thành lập. Các thành viên chính phủ do Tổng thống bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng thống.
- ❑ Sự phân định giữa các quyền lập pháp và hành pháp rất rõ ràng. Nghị viện không có quyền lật đổ chính phủ, Tổng thống không có quyền giải tán Nghị viện trước thời hạn.
- ❑ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và một số nước Châu Mỹ la tinh

Cộng hòa đại nghị

56

- **Nghị viện** có vị trí, vai trò rất lớn trong cơ chế thực thi quyền lực nhà nước. Nguyên thủ quốc gia (tổng thống) do nghị viện bầu ra, chịu trách nhiệm trước nghị viện. **Chính phủ** do các đảng chính trị chiếm đa số ghế trong nghị viện thành lập và chịu trách nhiệm trước nghị viện, nghị viện có thể bỏ phiếu tín nhiệm Chính phủ.
- **Nghị viện** có khả năng thực tế kiểm tra các hoạt động của **Chính phủ** còn **tổng thống** hầu như không trực tiếp tham gia giải quyết các công việc của đất nước.
- Ví dụ: Cộng hoà liên bang Đức, Cộng hoà Áo, Cộng hoà Italia

**Ưu điểm, nhược điểm của
Cộng hòa tổng thống và Cộng hòa đại nghị ?**

Cộng hòa lưỡng hệ

58

- ❑ Nghị viện và Tổng thống do nhân dân bầu ra.
- ❑ Trung tâm bộ máy quyền lực là Tổng thống. Tổng thống có quyền hạn rất lớn kể cả quyền giải tán Nghị viện, quyền thành lập chính phủ, hoạch định chính sách quốc gia.
- ❑ Chính phủ có thủ tướng đứng đầu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng thống, chịu trách nhiệm trước Tổng thống và Nghị viện.
- ❑ Ví dụ: Cộng hoà Pháp và một số nước Châu Âu

Việc tìm kiếm hình thức chính quyền tốt nhất ?

5.3. Hình thức cấu trúc

60

Hình thức cấu trúc nhà nước là cơ cấu hành chính – lãnh thổ của nhà nước, đặc điểm của mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận hành chính – lãnh thổ của nhà nước, giữa cơ quan nhà nước trung ương với cơ quan nhà nước địa phương.

Đây là sự tổ chức nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập những mối quan hệ qua lại giữa các CQNN, giữa trung ương với địa phương.

- *Hình thức cấu trúc nhà nước đơn nhất*
- *Hình thức cấu trúc nhà nước liên bang*

Hình thức đơn nhất

61

Là nhà nước có chủ quyền chung, có hệ thống cơ quan quyền lực và quản lí thống nhất từ trung ương đến địa phương và có các đơn vị hành chính

- Các đơn vị hành chính – lãnh thổ không có chủ quyền riêng, độc lập.
- Có một hệ thống các cơ quan nhà nước (cơ quan hành pháp, cơ quan lập pháp, cơ quan tư pháp) thống nhất từ TW đến địa phương.
- Có 1 hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ.

Hình thức liên bang

62

Là nhà nước được thiết lập từ hai hay nhiều nhà nước thành viên với những đặc điểm riêng.

- ❑ Các nhà nước thành viên có chủ quyền riêng nhưng thống nhất với nhau về mặt quốc phòng, đối ngoại, an ninh. Nhà nước có chủ quyền chung, đồng thời mỗi nhà nước thành viên cũng có chủ quyền riêng.
- ❑ Có 2 hệ thống pháp luật: của nhà nước toàn liên bang và của nhà nước thành viên. Có 2 hệ hống cơ quan nhà nước: một của nhà nước liên bang, một của nhà nước thành viên.

Hình thức liên bang

63

Vấn đề ly khai ?

Hình thức liên bang

64

Vấn đề dân tộc – lãnh thổ?

Hình thức liên minh

65

- Đây là sự liên kết tạm thời của một số quốc gia để thực hiện những mục đích nhất định, sau khi thực hiện xong mục đích, nhà nước liên minh tự giải tán hoặc chuyển thành nhà nước liên bang.
- Ví dụ: EU, NATO, SNG

Hình thức liên minh

66

- Đây là sự liên kết tạm thời của 1 số quốc gia để thực hiện những mục đích nhất định, sau khi thực hiện xong mục đích, nhà nước liên minh tự giải tán hoặc chuyển thành nhà nước liên bang.

Hình thức liên minh

67

- Cộng đồng các quốc gia độc lập SNG

Hình thức liên minh

68

- EU
- United Nations

5.4. Chế độ chính trị

69

Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, biện pháp, cách thức mà các cơ quan nhà nước sử dụng để tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

Có thể phân thành hai loại chính:

- *Chế độ chính trị dân chủ.*
- *Chế độ chính trị phản dân chủ.*

5.4. Chế độ chính trị

70

Chế độ chính trị dân chủ: giai cấp thống trị thường sử dụng chủ yếu phương pháp giáo dục, thuyết phục.

5.4. Chế độ chính trị

71

Chế độ chính trị phản dân chủ: giai cấp thống trị thường sử dụng các hình thức, phương pháp mang nặng tính cưỡng chế.

5.4. Chế độ chính trị

72

Sự tương tác giữa Dân chủ và Phản dân chủ ?

Hình thức của Nhà nước CHXHCH Việt Nam

73

Hình thức chính thể: cộng hòa dân chủ

Hình thức cấu trúc: Nhà nước đơn nhất

Chế độ chính trị: Dân chủ

ASEAN

Trong số 8 nước đi theo con đường TBCN, có 4 nước theo hình thức chính thể quân chủ lập hiến (Brunay, Campuchia, Malaysia và Thái lan), Singapore có hình thức chính thể cộng hòa đại nghị theo mô hình nước Anh. Riêng Mianma theo hiến pháp năm 1947, là chính thể cộng hòa dân chủ đại nghị nhưng từ sau các cuộc đảo chính quân sự (năm 1962-1974 và năm 1988), thể chế chính trị của Mianma đến nay vẫn là chế độ quân sự. Nước Lào mang hình thức chính thể Cộng hòa dân chủ nhân dân. Hình thức cấu trúc nhà nước của các nước ASEAN đều là đơn nhất.